

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đặt tên, số hiệu các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Quảng Ngãi tại Tờ trình số 227/TTr-SXD ngày 25/6/2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt tên, số hiệu các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt tên và số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc kéo dài tuyến đường tỉnh ĐT.624B;

c) Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 29/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh tên và số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

d) Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh tên và số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

đ) Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 11/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung tên và số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

e) Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chuyển các tuyến đường huyện thành đường tỉnh;

g) Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh tên và số hiệu đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

h) Quyết định số 2125/QĐ-UB ngày 21/12/1996 của UBND tỉnh Kon Tum về việc đặt số hiệu đường tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.chuyên môn;
- Lưu: VT, CNXD.lqv415

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Hoàng

Phụ lục: Đặt tên, số hiệu các tuyến đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2026 của UBND tỉnh)

Stt	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài quản lý (km)	Điểm đầu	Điểm cuối
	Tổng cộng		1.114,05		
1	Châu Ổ - Sa Kỳ	ĐT.621	23,6	Xã Bình Sơn	Xã Đông Sơn
2	Châu Ổ - Trà Bồng	ĐT.621B	27,8	Xã Bình Sơn	Xã Trà Bồng
3	Quốc lộ 1 - Thanh Bồng	ĐT.622B	79,15	Xã Bình Sơn	Xã Thanh Bồng
4	Đông Sơn - Đông Trà Bồng	ĐT.622C	29,8	Xã Đông Sơn	Xã Đông Trà Bồng
5	Sơn Hà - Sơn Tây Thượng	ĐT.623	40,6	Xã Sơn Hà	Xã Sơn Tây Thượng
6	Quảng Ngãi - Thạch Nham	ĐT.623B	22,0	Xã Nghĩa Giang	Xã Trường Giang
7	Quảng Ngãi - Ba Động	ĐT.624	54,0	Xã Nghĩa Giang	Xã Ba Động
8	Biển Hàm An - Đá Chát	ĐT.624B	34,65	Xã Mỏ Cày	Xã Thiện Tín
9	Đạm Thủy - Thiện Tín	ĐT.624C	19,8	Xã Mỏ Cày	Xã Thiện Tín
10	Di Lăng - Tây Trà Bồng	ĐT.626	31,7	Xã Sơn Hà	Xã Tây Trà Bồng
11	Dung Quát - Sa Huỳnh	ĐT.627	5,95	Xã Vạn Tường	Phường Sa Huỳnh
12	Bồ Đề - Mỹ Á	ĐT.627B	39,7	Xã Long Phụng	Phường Trà Câu
13	Đức Phổ - Ba Tơ	ĐT.627C	37,0	Phường Đức Phổ	Xã Ba Tơ
14	Quốc lộ 1 - Sơn Kỳ	ĐT.628	56,4	Xã Vệ Giang	Xã Sơn Kỳ
15	Đăk Hà - Yaly	ĐT.671	63,1	Xã Đăk Hà	Xã Ia Chim
16	Măng Ri - Kon Plông	ĐT.672	61,2	Xã Măng Ri	Xã Kon Plông
17	Đăk Plô - Măng Ri	ĐT.673	61,2	Xã Đăk Plô	Xã Măng Ri
18	Sa Thầy - Mô Rai	ĐT.674	35,6	Xã Sa Thầy	Xã Mô Rai
19	Đăk Cẩm - Rờ Koi	ĐT.675	53,1	Phường Đăk Cẩm	Xã Rờ Koi
20	Sa Thầy - Ia Đal	ĐT.675B	103,4	Xã Sa Thầy	Xã Ia Đal
21	Măng Đen - Măng Bút	ĐT.676	63,7	Xã Măng Đen	Xã Măng Bút
22	Kon Brail - Đăk Mar	ĐT.677	67,1	Xã Kon Brail	Xã Đăk Mar
23	Kon Đào - Đăk Sao	ĐT.678	28,0	Xã Kon Đào	Xã Đăk Sao
24	Tu Mơ Rông - Bờ Y	ĐT.678B	35,6	Xã Tu Mơ Rông	Xã Bờ Y
25	Sa Bình - Đăk Tô	ĐT.679	39,9	Xã Sa Bình	Xã Đăk Tô